

## QUYẾT ĐỊNH

Về số lượng, chủng loại, phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung và tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bến Tre

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 4006/TTr-STC ngày 04 tháng 11 năm 2024.

## QUYẾT ĐỊNH:

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quyết định về số lượng, chủng loại, phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung và tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng (trừ xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bến Tre.

2. Các nội dung khác liên quan đến tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô không quy định tại Quyết định này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; sở, ban, ngành và tương đương; Ủy ban

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Bến Tre, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư); các huyện, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

2. Cơ quan, đơn vị sự nghiệp thuộc Tỉnh ủy (trừ Văn phòng Tỉnh ủy); các đơn vị được trang bị xe ô tô theo quy định tại khoản 5 Điều 8 của Nghị định số 72/2023/NĐ-CP không thuộc đối tượng áp dụng về số lượng, chủng loại được quy định tại Điều 3 của Quyết định này.

### **Điều 3. Số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung**

Số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị được quy định chi tiết tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

### **Điều 4. Phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung**

1. Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh việc quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung được giao cho từng cơ quan, tổ chức, đơn vị có tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô trực tiếp quản lý, sử dụng để phục vụ công tác chung (gọi là phương thức quản lý trực tiếp).

2. Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao trực tiếp quản lý xe ô tô quy định tại khoản 1 Điều này mà có đơn vị thuộc, trực thuộc thì Thủ trưởng đơn vị quyết định phương thức quản lý tập trung hoặc phương thức quản lý trực tiếp hoặc kết hợp cả hai phương thức cho phù hợp.

### **Điều 5. Tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng**

Tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng của cơ quan, tổ chức, đơn vị được quy định chi tiết tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

### **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này; thực hiện rà soát, sắp xếp lại số xe ô tô hiện có và thực hiện xử lý xe ô tô dôi dư theo quy định.

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm cập nhật đầy đủ, chính xác số liệu xe ô tô sau khi rà soát, xử lý vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công theo thời hạn quy định.

3. Kho bạc Nhà nước Bến Tre căn cứ quy định số lượng, chủng loại, phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung và tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng quy định tại Quyết định này thực hiện kiểm soát chi và thanh toán khi cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện mua sắm.

## **Điều 7. Điều khoản thi hành**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, ngành tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Bến Tre; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày tháng 11 năm 2024 và thay thế Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trang bị cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Bến Tre; Quyết định số 03/2022/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc bổ sung Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trang bị cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Bến Tre ./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Trần Ngọc Tam**

**Phụ lục I**  
**SỐ LƯỢNG, CHỦNG LOẠI SỬ DỤNG XE Ô TÔ**  
**PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ**  
(Kèm theo Quyết định số 50 /2024/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

STT	Đối tượng sử dụng	Số lượng tối đa (chiếc)	Chủng loại xe ô tô				
			xe ô tô 05 chỗ ngồi	xe ô tô 07 chỗ ngồi	xe ô tô 08 chỗ ngồi	xe ô tô 16 chỗ ngồi	xe bán tải 05 chỗ ngồi
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>156</b>	<b>45</b>	<b>13</b>	<b>54</b>	<b>30</b>	<b>13</b>
<b>A</b>	<b>CẤP TỈNH</b>	<b>96</b>	<b>29</b>	<b>12</b>	<b>27</b>	<b>15</b>	<b>13</b>
<b>I</b>	<b>Văn phòng Cấp tỉnh</b>	<b>15</b>	<b>7</b>	<b>5</b>		<b>3</b>	
1	Văn phòng Tỉnh ủy	4	2	1		1	
2	Văn phòng đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân	4	3			1	
3	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	7	2	4 (2 xe 2 cầu)		1	
<b>II</b>	<b>Sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh</b>	<b>66</b>	<b>20</b>	<b>3</b>	<b>23</b>	<b>9</b>	<b>11</b>
1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	6			2		4
2	Sở Tài chính	2	1		1		
3	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	4			3	1	
4	Sở Tài nguyên và Môi trường	6	1		1		4
5	Sở Giao thông vận tải	4	1	1	1	1	
6	Sở Công thương	2			1	1	
7	Sở Y tế	12	1		6	3	2
8	Sở Nội vụ	2	1		1		
9	Sở Xây dựng	2	1	1			
10	Sở Văn hóa và Thể thao và Du lịch	4	1		2	1	
11	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2	1			1	
12	Sở Thông tin và Truyền thông	1			1		
13	Sở Giáo dục và Đào tạo	11	10			1	

14	Sở Khoa học và Công nghệ	2	1		1		
15	Sở Tư pháp	2	1	1			
16	Thanh tra tỉnh	1			1		
17	BQL Các khu công nghiệp	3			2		1
<b>III</b>	<b>Các tổ chức chính trị - xã hội</b>	<b>5</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	
1	Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Bến Tre	1		1			
2	Hội Liên hiệp phụ nữ	1			1		
3	Hội Cựu chiến binh	1	1				
4	Hội Nông dân	1			1		
5	Tinh đoàn	1				1	
<b>IV</b>	<b>Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (trừ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo, dạy nghề) và Ban quản lý dự án sử dụng ngân sách</b>	<b>8</b>		<b>2</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>2</b>
1	Đài Phát thanh và Truyền hình	3		1		2	
2	BQL Dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	1			1		
3	BQL Dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành dân dụng và công nghiệp	2		1			1
4	BQL Dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	2			1		1
<b>V</b>	<b>Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo, dạy nghề</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>1</b>			
1	Trường Cao đẳng Bến Tre	2	1	1			
<b>B</b>	<b>CẤP HUYỆN</b>	<b>60</b>	<b>16</b>	<b>1</b>	<b>27</b>	<b>15</b>	
1	Thành phố Bến Tre	6	2		2	1	
2	Huyện Ba Tri	7			5	2	

3	Huyện Bình Đại	7	2		3	2	
4	Huyện Châu Thành	7	2		4	1	
5	Huyện Chợ Lách	6	2		2	2	
6	Huyện Giồng Trôm	7	1		4	2	
7	Huyện Mỏ Cày Bắc	6	2		2	2	
8	Huyện Mỏ Cày Nam	7	4		2	1	
9	Huyện Thạnh Phú	7	1	1	3	2	

**Phụ lục II**

**VỀ TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC XE Ô TÔ CHUYÊN DÙNG TRANG BỊ CHO CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẾN TRE**

(Kèm theo Quyết định số 50 /2024/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

TT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị	Chủng loại xe ô tô chuyên dùng	Số lượng xe ô tô chuyên dùng (chiếc)	Mức giá tối đa trang bị cho 01 xe (ngàn đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
<b>1</b>	<b>UBND huyện Chợ Lách</b>				
1.1	Phòng TNMT huyện				
		Xe phun nước 6m3	1	1,550,000	Rửa đường, tưới cây xanh
		Xe chuyên dùng chở rác 6 m3 (3,5 tấn)	2	1,500,000	Xử lý rác trên địa bàn huyện
1.2	Trung tâm VH TT và truyền thanh huyện				
		Xe chuyên dùng cho văn hóa TT và truyền thanh	1	1,000,000	Phục vụ công tác thông tin lưu động
<b>2</b>	<b>UBND huyện Thạnh Phú</b>				
2.1	Phòng TNMT huyện				
		Xe phun nước 6m3	1	1,550,000	Rửa đường, tưới cây xanh
		Xe chuyên dùng chở rác 6 m3 (3,5 tấn)	2	1,500,000	Xử lý rác trên địa bàn huyện
2.2	Trung tâm VH TT và truyền thanh huyện				
		Xe chuyên dùng cho văn hóa TT và truyền thanh	1	1,000,000	Phục vụ công tác thông tin lưu động
<b>3</b>	<b>UBND huyện Châu Thành</b>				
3.1	Phòng TNMT huyện				
		Xe phun nước 6m3	1	1,550,000	Rửa đường, tưới

					cây xanh
		Xe chuyên dùng chở rác 6 m3 (3,5 tấn)	2	1,500,000	Xử lý rác trên địa bàn huyện
3.2	Trung tâm VH TT và truyền thanh huyện				
		Xe chuyên dùng cho văn hóa TT và truyền thanh	1	1,000,000	Phục vụ công tác thông tin lưu động
<b>4</b>	<b>UBND Thành phố Bến Tre</b>				
4.1	Trung tâm VH TT và truyền thanh T. phố Bến Tre				
		Xe chuyên dùng cho văn hóa TT và truyền thanh	1	1,000,000	Phục vụ công tác thông tin lưu động
4.2	Phòng Quản lý đô thị				
		xe ô tô tải (1,15 tấn) có mui	1	600,000	Phục vụ công tác giữ gìn trật tự đô thị
<b>5</b>	<b>UBND huyện Giồng Trôm</b>				
5.1	Phòng TNMT huyện				
		Xe phun nước 6m3	1	1,550,000	Rửa đường, tưới cây xanh
		Xe chuyên dùng chở rác 6 m3 (3,5 tấn)	2	1,500,000	Xử lý rác trên địa bàn huyện
		Xe ủi rác	1	400,000	Bãi rác Châu Bình
5.2	Trung tâm VH TT và truyền thanh huyện				
		Xe chuyên dùng cho văn hóa TT và truyền thanh	1	1,000,000	Phục vụ công tác thông tin lưu động
<b>6</b>	<b>UBND huyện Ba Tri</b>				
6.1	Ban QLCTGT đô thị và vệ sinh môi trường				
		Xe phun nước 6m3	1	1,550,000	Rửa đường, tưới cây xanh
		Xe chuyên dùng chở rác 6 m3 (3,5 tấn)	3	1,500,000	Xử lý rác trên địa bàn huyện



6.2	Trung tâm VH TT và truyền thanh huyện				
		Xe chuyên dùng cho văn hóa TT và truyền thanh	1	1,000,000	Phục vụ công tác thông tin lưu động
<b>7</b>	<b>UBND huyện Bình Đại</b>				
7.1	Phòng TNMT huyện				
		Xe phun nước 6m <sup>3</sup>	1	1,550,000	Rửa đường, tưới cây xanh
		Xe chuyên dùng chở rác 6 m <sup>3</sup> (3,5 tấn)	2	1,500,000	Xử lý rác trên địa bàn huyện
7.2	Trung tâm VH TT và truyền thanh huyện				
		Xe chuyên dùng cho văn hóa TT và truyền thanh	1	1,000,000	Phục vụ công tác thông tin lưu động
<b>8</b>	<b>UBND huyện Mô Cày Bắc</b>				
8.1	Phòng TNMT huyện				
		Xe phun nước 6m <sup>3</sup>	1	1,550,000	Rửa đường, tưới cây xanh
		Xe chuyên dùng chở rác 6 m <sup>3</sup> (3,5 tấn)	2	1,500,000	Xử lý rác trên địa bàn huyện
8.2	Trung tâm VH TT và truyền thanh huyện				
		Xe chuyên dùng cho văn hóa TT và truyền thanh	1	1,000,000	Phục vụ công tác thông tin lưu động
<b>9</b>	<b>UBND huyện Mô Cày Nam</b>				
9.1	Phòng TNMT huyện				
		Xe phun nước 6m <sup>3</sup>	1	1,500,000	Rửa đường, tưới cây xanh
		Xe chuyên dùng chở rác 6 m <sup>3</sup> (3,5 tấn)	2	1,500,000	Xử lý rác trên địa bàn huyện
9.2	Trung tâm VH TT và truyền thanh huyện				
		Xe chuyên dùng cho văn hóa TT và truyền thanh	1	1,000,000	Phục vụ công tác thông tin lưu động

<b>10</b>	<b>Sở Văn hóa thể thao &amp; DL</b>				
10.1	Trường năng khiếu thể dục thể thao tỉnh				
		Xe ô tô 18 chỗ ngồi	1	1,200,000	Chở học sinh (đội tuyển các môn thể thao) đi luyện tập và thi đấu
		Xe khách 29 chỗ	1	1,600,000	Chở học sinh (đội tuyển các môn thể thao) đi luyện tập và thi đấu
10.2	Đoàn nghệ thuật cải lương				
		Xe khách 34 chỗ	1	1,700,000	Chở diễn viên đi biểu diễn
		Xe ô tô tải (5 tấn)	1	900,000	Chở sân khấu, âm thanh, ánh sáng
10.3	Trung tâm văn hóa - điện ảnh tỉnh Bến Tre				
		Xe khách 29 chỗ	1	1,600,000	Chở diễn viên, nhạc công, kỹ thuật viên, đội viên Đội thông tin lưu động đi biểu diễn
		Xe ô tô tải (3,5 tấn)	1	700,000	Chở âm thanh, nhạc cụ, pano, cờ ...
10.4	Thư viện Nguyễn Đình chiểu				
		Xe ô tô tải 3,5 tấn, gắn các thiết phục vụ thư viện lưu động đa phương tiện	1	1,400,000	Các thiết bị: sách, máy phát điện, ổn áp, máy tính, máy chủ, máy chiếu, tivi, ghế nhựa...
<b>11</b>	<b>Sở NN và PT nông thôn</b>				

11.1	Chi Cục chăn nuôi và thú y				
		Xe ô tô tải (1 tấn)	1	500,000	Chở vật tư phòng chống dịch bệnh
11.2	Trung tâm nước sạch và VSMTNT				
		Xe ô tô tải (1 tấn)	1	500,000	Chuyên chở vật tư, trang thiết bị ngành nước
<b>12</b>	<b>Sở Giao thông vận tải</b>				
12.1	Thanh tra Sở				
		Xe ô tô bán tải, có gắn biển hiệu nhận biết phục vụ công tác thanh tra giao thông	3	950,000	
		Xe trạm cân	1	1,500,000	Bộ cấp (xe trạm cân)
12.2	Cảng vụ đường thủy nội địa				
		Xe ô tô bán tải, có gắn biển hiệu nhận biết phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra điều kiện an toàn tại cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu; công tác phòng, chống thiên tai; tìm kiếm, cứu nạn	1	950,000	
<b>13</b>	<b>Sở Lao động - Thương binh và Xã hội</b>				
13.1	Trường Trung cấp Công nghệ Bến Tre				Thiết bị dạy nghề Công nghệ ô tô theo chương trình khung của Bộ Lao động - TB và Xã hội
		Xe ô tô 5 chỗ	1	720,000	
		Xe ô tô 8 chỗ	1	720,000	
		Xe ô tô tải (2,5 tấn)	2	550,000	
<b>14</b>	<b>Đài Phát thanh và Truyền hình</b>				
		Xe gắn thiết bị chuyên dùng phục vụ truyền hình trực tiếp	1	20,000,000	

		Xe ô tô tải 3,5 tấn có mui	1	900,000	Chở thiết bị cần thiết cho truyền hình trực tiếp
<b>15</b>	<b>Ban quản lý các khu công nghiệp</b>				
15.1	Ban QLDA PT hạ tầng các khu công nghiệp				
		Xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng (4m <sup>3</sup> )	1	900,000	Sử dụng tưới cây xanh, thăm cỏ trong khu công nghiệp
		Xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng (8m <sup>3</sup> )	4	2,500,000	Sử dụng tưới cây xanh, thăm cỏ trong khu công nghiệp
		Xe ô tô có kết cấu đặc biệt (xe cần cẩu)	2	1,200,000	Sửa chữa điện, cắt tia cây xanh trong khu CN
		Xe ô tô gắn thiết bị vệ sinh mặt đường	1	1,500,000	Thiết bị vệ sinh mặt đường: thùng đựng nước 1,2 m <sup>3</sup> ; thùng chứa rác 4m <sup>3</sup> ; chổi quét và hệ thống rửa đường
		Xe ô tô tải 3,5 tấn có mui	1	900,000	Vận chuyển vật tư phục vụ Trạm xử lý nước thải
<b>16</b>	<b>Trường Cao đẳng Bến Tre</b>				
		Ô tô con 5 chỗ tập lái	15	600,000	Tập lái